

Bản tin chứng khoán

Trong số này

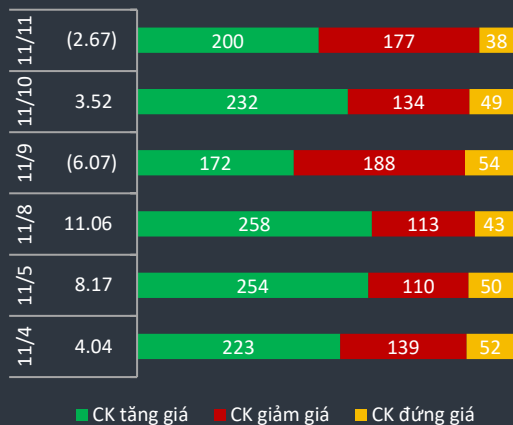
Nhận định **P.1**

Danh mục CP **P.2**

Tin Doanh nghiệp **P.3**

Bộ lọc CP **P.4**

Độ rộng thị trường



Thị trường trong ngày tiếp tục có sự giằng co rất mạnh nhưng điểm số không biến động nhiều, chỉ xoay quanh biên độ 3-5 điểm. Chỉ số VN30 vẫn rơi mạnh hơn và đây đã là phiên giảm thứ 3 liên tiếp và áp lực bán đang tăng cường độ. Đã hơn 2 tuần chỉ số VN30 hầu như không tăng trưởng mà chỉ đi ngang và có xu hướng giảm dần mà thanh khoản lại gia tăng rất mạnh cho thấy nhà đầu tư lớn đang thoát hàng dần nhóm trụ thị trường.

Một cổ phiếu trong VN30 cứu giá cho VNI như NVL, VCB, MWG, GVR nhưng chỉ ở mức giới hạn. Trong khi đó các nhóm ngành ngân hàng, chứng khoán, và nhiều big cap như HPG, VHM, GAS vẫn gây ảnh hưởng lên VN30 làm chỉ số giảm điểm. NVL trong ngày chỉ khởi sắc một chút nhờ thông tin dự kiến phát hành hơn 456,8 triệu cổ phiếu thưởng theo tỷ lệ 31%.

Nhóm ngân hàng trong đó có đến 23/27 mã giảm trong đó NAB, OCB, MSB, BVB giảm trên 3%. Chỉ duy nhất VCB trên tham chiếu và PGB, EIB, SHB xanh điểm. Nhiệm vụ gánh đỡ chỉ số dồn vào nhóm cổ phiếu bất động sản và xây dựng và vẫn là những gương mặt quen thuộc như: CEO, NDN, NLG, FLC, LDG, HDC, CRE, DIG, ITA..

Phiên hôm nay là kỷ lục thanh khoản mới với hơn 38 ngàn tỷ trên sàn HOSE với nhiều cổ phiếu bùng nổ giao dịch như HPG, TCB, SSI, KBC, VHM, GEX ... Thị trường vẫn đang trong trạng thái gồng đỡ chỉ số khi dòng tiền liên tục xoay vòng giữa những nhóm cổ phiếu vừa và nhỏ với kiểu kéo lên rất nhanh rồi chuyển sang các nhóm khác.

Nhóm cổ phiếu phân bón, dầu khí, thép tiếp tục điều chỉnh trong ngày. Thị trường thép toàn cầu tháng 10 bị tác động mạnh bởi nguồn cung tiếp tục bị thắt chặt hơn nữa khi cuộc khủng hoảng thiếu khí đốt tự nhiên đang khiến giá điện và khí đốt tăng vọt, có thể buộc nhiều nhà máy phải đóng cửa và làm đứt đoạn chuỗi cung ứng thép. Hàng loạt doanh nghiệp bất động sản lớn tại Trung Quốc đối mặt rủi ro mất khả năng thanh toán nợ sau vụ Evergrande khiến giới đầu tư ngày càng lo ngại về sự ổn định của thị trường bất động sản Trung Quốc, kéo theo đó là triển vọng ảm đạm đối với nhu cầu sử dụng thép.

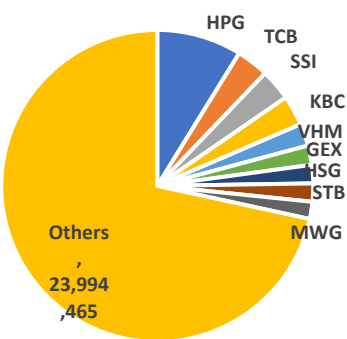
Giao dịch mua bán ròng khối ngoại (tỷ VND)

KDH	54.42
DBC	22.10
BCM	18.90
HSG	15.30
VIC	15.19
SSI	13.46
PLX	(37.37)
KBC	(37.92)
VCB	(58.44)
VRE	(59.47)
TV2	(89.10)
GEX	(122.28)
DCM	(151.35)
CRE	(294.82)

Vnindex 1,462.35
▼ -2.67 (-0.18%)

Biến động Big Cap

CP	Giá	+/-	%
PDR	91.9	2,700	3.03
MWG	135.0	3,500	2.66
PLX	59.8	1,500	2.57
GVR	41.9	800	1.95
PNJ	104.5	1,500	1.46
NVL	105.5	1,500	1.44
HVN	24.9	250	1.01
VCB	98.3	700	0.72
REE	70.8	-	-
VIC	94.8	(100)	(0.11)
VNM	89.6	(100)	(0.11)
BCM	54.1	(100)	(0.18)
VIB	37.8	(100)	(0.26)
DHG	100.9	(300)	(0.30)
TCB	51.5	(200)	(0.39)
SID	42.8	(200)	(0.47)
VPB	36.5	(200)	(0.54)
MSN	146.9	(800)	(0.54)
VJC	128.6	(1,100)	(0.85)
FPT	96.0	(1,000)	(1.03)
HDB	27.7	(300)	(1.07)
SAB	172.0	(2,000)	(1.15)
GAS	119.0	(1,400)	(1.16)
ACB	33.0	(400)	(1.20)
SSI	44.2	(550)	(1.23)
VHM	81.5	(1,100)	(1.33)
POW	12.9	(200)	(1.53)
CTG	32.0	(550)	(1.69)
MBB	28.1	(500)	(1.75)
VRE	30.3	(600)	(1.94)
BVH	63.2	(1,300)	(2.02)
TPB	43.0	(1,000)	(2.27)
HPG	54.0	(1,300)	(2.35)
STB	27.7	(750)	(2.64)



Chỉ số Vnindex điều chỉnh nhẹ trong ngày nhưng không đáng kể so với chiều tăng các phiên trước đó. Dù sao giai đoạn hiện tại vẫn nên thận trọng và tránh mua đuổi sẽ không mại hiệu quả. Nhà đầu tư nên tận dụng chốt lãi dần và chờ những nhịp giảm sâu mới giải ngân trở lại.

Cổ phiếu ưu tiên nắm giữ

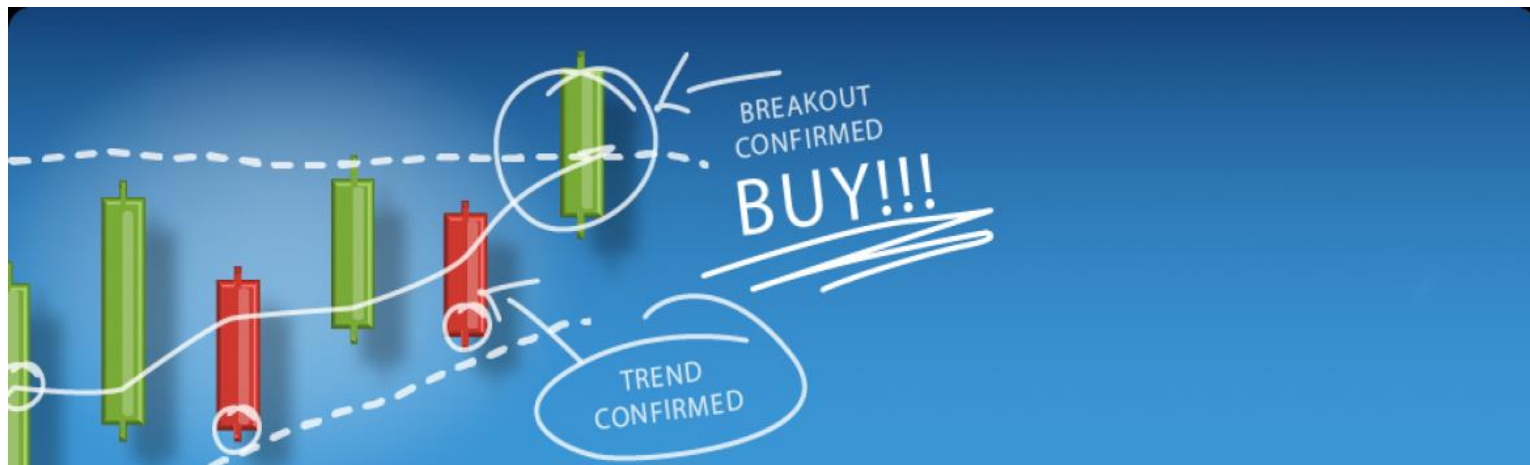
Phân đạm: DPM, DCM

Ngân hàng: OCB, TPB, CTG

Các ngành khác: GVR, FPT, SZC, VCI, VND, DPR, BVH, ABI

Cổ phiếu nắm giữ trung và dài hạn

Ticker	Close	% so với tuần trước	Hỗ trợ	Kháng cự	Vùng Mua	Ngày đưa vào DM	Lãi / Lỗ
TCM	77.9	3.9	60	85	Mua quanh 75, nắm giữ	10/6/2021	21.7%
PET	31.8	3.6	25	35	Mua vào quanh 28, mục tiêu 35	10/6/2021	13.6%
LCG	19.4	7.2	15	24	Mua vào quanh 18	9/28/2021	38.6%
DPR	81.9	(1.3)	57	95	Mua vào quanh 80, nắm giữ	9/21/2021	22.2%
IDC	92.0	17.9	45	85	Nắm giữ	9/21/2021	84.0%
REE	70.8	-	50	80	Nắm giữ	7/12/2021	38.8%
GVR	41.9	4.9	28	47	Nắm giữ, mục tiêu 47	7/12/2021	42.5%
HCM	43.9	4.8	44	60	Nắm giữ, có thể mua thêm quanh 48-50	7/12/2021	29.1%
VCI	71.4	(0.7)	47	80	Nắm giữ, Mua thêm quanh 65	7/12/2021	45.7%
SSI	44.2	2.7	45	60	Nắm giữ	7/12/2021	33.9%
MBB	28.1	(2.8)	25	35	Nắm giữ, mục tiêu 32	7/12/2021	-3.1%
OCB	26.4	(7.5)	20	30	Nắm giữ, Mua thêm quanh 20-22	7/12/2021	14.8%
HPG	54.0	(4.1)	44	65	Nắm giữ, mua thêm nếu giá về 50	7/12/2021	20.0%
DGW	109.6	(1.3)	120	170	Nắm giữ, có thể mua thêm quanh 110	3/3/2021	119.2%



Các cổ phiếu cho tín hiệu mua ngắn hạn

Bộ lọc cổ phiếu với các tiêu chí mua bán ngắn hạn. Nhà đầu tư có thể mua khi giá chạm mục tiêu với kỳ vọng lợi nhuận từ 1 tuần đến 3 tháng. Một số cổ phiếu sẽ có hàm lượng rủi ro cao vì vậy luôn dự phòng vùng cắt lỗ chặn dưới 10%.

Ticker	Close	% so với tuần trước	Hỗ trợ	Kháng Cự	Vùng Mua	Ngưỡng cắt lỗ	Ngày đưa vào DM	Lãi / Lỗ
TLH	21.9	(4.2)	20	30	Mua quanh 22-23. Mục tiêu 30	Cắt lỗ nếu dưới 20	11/5/2021	-4.8%
BNA	48.0	11.6	37	50	Mua quanh 42-43. Mục tiêu 50	Cắt lỗ nếu dưới 35	11/5/2021	10.9%
PTB	107.4	(3.8)	100	125	Mua quanh 110-112. Mục tiêu 125	Cắt lỗ nếu dưới 100	11/5/2021	-4.4%
DHC	94.2	3.1	85	110	Mua quanh 94-96. Mục tiêu 110	Cắt lỗ nếu dưới 90	11/5/2021	-2.0%
FIT	14.0	5.3	11	17	Mua quanh 12-13. Mục tiêu 17	Cắt lỗ nếu dưới 11	11/5/2021	4.5%

HERE'S THE TOP NEWS COMPANY

Top tăng giá HOSE

TNI	6.90
CII	6.92
QCG	6.92
DAG	6.92
SJF	6.93
HAI	6.94
DIG	6.94
TCR	6.95
OGC	6.96
SFI	6.98
HHS	6.99
CTI	6.99
HU3	7.00
KSH	10.87

Top tăng giá HNX

DZM	9.52
SPI	9.60
TJC	9.66
DST	9.68
CEO	9.70
VTJ	9.72
D11	9.81
SD4	9.86
TC6	9.86
CMS	9.91
SDA	9.93
L14	9.98
VC9	10.00
VC7	10.00
HVA	10.59

AAA - Công ty cổ phần Nhựa An Phát Xanh - Công ty dự kiến phát hành 470 tỷ đồng trái phiếu và giao cho bà Hòa Thị Thu Hà, Thành viên HĐQT kiêm Phó tổng giám đốc phụ trách tài chính kế toán quyết định và thực hiện các công việc, thủ tục liên quan đến việc phát hành trái phiếu.

SFI – CTCP Đại lý Vận tải SAFI - Sẽ tạm ứng cổ tức bằng tiền đợt 2/2021 với tỷ lệ 5% (500 đồng/cp). Trước đó, đơn vị này đã tạm ứng cổ tức đợt 1 bằng tiền với tỷ lệ 10% (1.000 đồng/cp).

Về nội dung lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản, HĐQT trình ĐHCĐ xem xét và thông qua việc điều chỉnh tăng tỷ lệ cổ tức và một số chỉ tiêu tài chính năm 2021. Mức cổ tức dự kiến sẽ tăng từ 15% lên 80%, trong đó 30% được trả bằng tiền và 50% bằng cổ phiếu.

Công ty dự kiến điều chỉnh tăng 25% kế hoạch doanh thu thuần cho năm 2021 lên 1.500 tỷ đồng. Lợi nhuận ròng sau thuế cũng được tăng 103% so với kế hoạch cũ lên mức 140 tỷ đồng.

HII - CTCP An Tiến Industries - HĐQT đã thông qua kế hoạch điều chỉnh tăng các chỉ tiêu kế hoạch kinh doanh năm 2021. Cụ thể, Công ty tăng tổng doanh thu hợp nhất từ 4.000 tỷ đồng lên 7.000 tỷ đồng; tăng chỉ tiêu lợi nhuận sau thuế (LNST) hợp nhất từ 70 tỷ đồng lên 90 tỷ đồng.

FCM - CTCP Khoáng sản FECON – Đã thông qua phương án phát hành 4,1 triệu cp trả cổ tức năm 2020 cho cổ đông, tương đương tỷ lệ phát hành là 10%.

NLG - CTCP Đầu tư Nam Long – Đã thông qua Nghị quyết phê duyệt các nội dung liên quan đến phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, trả cổ tức bằng cổ phiếu và tạm ứng cổ tức đợt 1/2021. Ngày giao dịch không hưởng quyền là ngày 24/11/2021.

VIC - Tập đoàn Vingroup - Dự kiến đến quý IV/2022 sẽ khởi công 4 dự án nằm trong tổ hợp nhà máy sản xuất ô tô và cảng biển kết hợp logistics, du lịch nghỉ dưỡng tại Khu kinh tế Vũng Áng, thị xã Kỳ Anh (Hà Tĩnh) với tổng mức đầu tư hơn 302.500 tỷ đồng.

DRL - CTCP Thủy điện – Điện lực 3 - Ngày 03/12 là ngày giao dịch không hưởng quyền nhận cổ tức đợt 3 năm 2021, ngày đăng ký cuối cùng là 06/12. Theo đó, cổ tức sẽ được trả bằng tiền mặt theo tỷ lệ 15%, thanh toán bắt đầu từ ngày 22/12/2021.

CLC - CTCP Cát Lợi - Ngày 25/6 là ngày giao dịch không hưởng quyền nhận cổ tức đợt 1 năm 2021, ngày đăng ký cuối cùng là 26/11. Theo đó, cổ tức sẽ được trả bằng tiền mặt theo tỷ lệ 10%, thanh toán bắt đầu từ 15/12/2021.

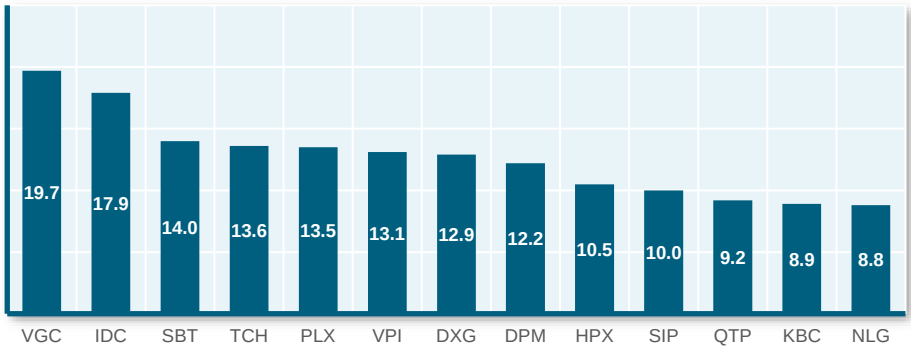


Kế hoạch tăng vốn các ngân hàng

Ngân hàng	Tỷ lệ	Hình thức	Nội dung	Vốn tăng lên
VCB	8%	Tiền mặt	Cổ tức từ nguồn lợi nhuận các năm trước	50,000
	27.60%	Cổ phiếu		
CTG	29%	Cổ phiếu	Cổ tức từ nguồn lợi nhuận 2017-2019	48,000
	12.6% - 17.7%	Cổ phiếu	Cổ tức năm 2020	
	5%	Tiền mặt	Cổ tức năm 2020	
BID	5.20%	Cổ phiếu	Cổ tức năm 2019	48,524
	7%	Cổ phiếu	Cổ tức năm 2020	
MBB	35%	Cổ phiếu	Cổ tức năm 2020	38,676
ACB	25%	Cổ phiếu	Cổ tức năm 2020	27,019
SHB	10%	Cổ phiếu	Cổ tức năm 2019	26,674
	10.50%	Cổ phiếu	Cổ tức năm 2020	
HDB	25%	Cổ phiếu	Cổ tức năm 2020	20,111
VIB	40%	Cổ phiếu	Cổ tức thương	16,000
MSB	30%	Cổ phiếu	Cổ tức năm 2020	15,275
SSB	9.12%	Cổ phiếu	Cổ tức năm 2020	14,700
OCB	25%	Cổ phiếu	Cổ tức năm 2020	14,449
BAB	6.30%	Cổ phiếu	Cổ tức năm 2020	7,530
NAB	10.20%	Cổ phiếu	Cổ tức năm 2020	4,564
KLB	13%	Cổ phiếu	Cổ tức năm 2020	3,653
SGB	5%	Cổ phiếu	Cổ tức năm 2020	3,234



Top cổ phiếu tăng mạnh 5 phiên gần nhất



Thông kê nhóm cổ phiếu ngân hàng:

Mã CK	Sàn	Giá đóng cửa	KLGD	P/E	P/B	KL NN Mua	KL NN Bán	Vốn hóa (tỷ VND)	Tỷ lệ nắm giữ	EPS	Book Value
VPB	UPCOM	36.5	9,202,600	7.2	1.5	-	155,000	162,260	19.16	5,056	24,447
VIB	HOSE	37.8	1,649,900	6.7	2.8	190,500	2,700	58,709	20.48	5,638	13,552
VCB	UPCOM	98.3	1,115,600	17.8	3.5	369,900	250,900	364,583	23.56	5,532	28,293
VBB	HNX	16.8	58,090	20.2	1.5	-	-	8,025	0.01	830	11,579
VAB	HOSE	17.2	864,939	14.4	1.3	-	1,300	7,653	-	1,196	13,597
TPB	HOSE	43.0	2,416,900	9.4	2.3	226,100	765,600	50,382	29.92	4,565	18,925
TCB	HOSE	51.5	21,838,500	11.2	2.2	-	-	180,812	22.47	4,614	23,938
STB	UPCOM	27.7	22,523,900	14.4	1.6	305,200	396,100	52,220	16.77	1,922	16,846
SSB	HOSE	37.0	2,022,800	21.5	3.0	4,900	-	49,605	0.02	1,723	12,310
SHB	HOSE	23.8	22,559,100	10.9	1.7	218,500	818,000	45,840	3.77	2,183	14,014
SGB	HNX	17.7	180,584		1.5	-	-	5,452	4.96	344	12,114
PGB	HOSE	28.0	531,613	37.9	2.1	500	200	8,400	15.00	739	13,529
OCB	HNX	26.4	11,191,500	6.9	1.5	510,825	377,725	36,096	21.84	3,799	17,827
NVB	HOSE	29.1	286,205	142.0	2.7	4,200	-	11,838	8.44	205	10,726
NAB	HOSE	21.5	569,995	6.4	1.3	-	-	9,814	0.01	3,367	16,324
MSB	HOSE	23.6	13,850,300	7.2	1.3	2,100	-	36,049	30.00	3,291	17,552
MBB	HOSE	28.1	12,862,000	7.2	1.4	137,000	348,600	106,171	23.24	3,897	19,986
LPB	HOSE	22.5	12,497,200	8.7	1.6	55,400	156,200	27,021	3.93	2,591	14,466
KLB	HOSE	23.4	158,405	11.5	1.7	-	-	8,459	-	2,035	14,117
HDB	HOSE	27.7	5,559,400	7.2	1.6	845,100	1,529,500	55,184	17.65	3,854	17,399
EIB	HOSE	26.4	1,201,500	30.2	1.9	12,600	81,200	32,457	29.71	874	14,061
CTG	HOSE	32.0	14,020,000	7.3	1.3	543,200	938,900	153,544	24.74	4,394	25,028
BVB	HOSE	21.4	6,392,515	18.5	1.7	7,000	-	7,856	0.07	1,157	12,737
BID	HOSE	42.8	2,441,800	17.0	2.0	28,500	51,400	172,142	16.62	2,512	21,036
BAB	HOSE	22.4	65,991	23.6	1.8	100	100	16,870	-	950	12,242
ACB	HOSE	33.0	7,129,400	7.1	2.2	-	-	89,164	30.00	4,621	14,945
ABB	HOSE	21.0	2,920,142	7.5	1.3	-	-	11,998	30.00	2,801	16,671
			176,110,879	18.46	1.85	3,461,625	5,873,425	1,768,603		2,766	16,602



Lịch trả cổ tức:

STT	Mã CK	Sàn	Ngày GDKHQ▼	Ngày ĐKCC	Ngày thực hiện	Nội dung sự kiện	Loại Sự kiện
1	MCM	UPCoM	29/11/2021	30/11/2021	22/12/2021	Trả cổ tức đợt 1/2021 bằng tiền, 1,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
2	ANV	HOSE	25/11/2021	26/11/2021	24/12/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 1,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
3	SFI	HOSE	19/11/2021	22/11/2021	2/12/2021	Trả cổ tức đợt 2/2021 bằng tiền, 500 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
4	CNC	UPCoM	17/11/2021	18/11/2021	2/12/2021	Trả cổ tức năm 2021 bằng tiền, 2,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
5	C36	UPCoM	16/11/2021	17/11/2021	25/11/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 300 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
6	ST8	HOSE	15/11/2021	16/11/2021	8/12/2021	Trả cổ tức đợt 1/2021 bằng tiền, 600 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
7	HC3	UPCoM	15/11/2021	16/11/2021	1/12/2021	Trả cổ tức đợt 1/2021 bằng tiền, 1,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
8	SMC	HOSE	12/11/2021	15/11/2021	26/11/2021	Trả cổ tức đợt 1/2021 bằng tiền, 500 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
9	KHP	HOSE	12/11/2021	15/11/2021	1/12/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 250 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
10	PGN	HNX	12/11/2021	15/11/2021		Trả cổ tức năm 2020 bằng cổ phiếu, tỷ lệ 100:11	Trả cổ tức bằng cổ phiếu
11	VPI	HOSE	11/11/2021	12/11/2021		Trả cổ tức năm 2020 bằng cổ phiếu, tỷ lệ 10:1	Trả cổ tức bằng cổ phiếu
12	PVT	HOSE	11/11/2021	12/11/2021	6/12/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 1,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
13	L12	UPCoM	11/11/2021	12/11/2021	30/11/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 500 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
14	VNF	HNX	10/11/2021	11/11/2021		Trả cổ tức năm 2020 bằng cổ phiếu, tỷ lệ 20:1	Trả cổ tức bằng cổ phiếu
15	ICT	HOSE	9/11/2021	10/11/2021	25/11/2021	Trả cổ tức đợt 2/2020 bằng tiền, 200 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
16	ADP	UPCoM	9/11/2021	10/11/2021	3/12/2021	Trả cổ tức đợt 2/2021 bằng tiền, 400 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
17	PTD	HNX	9/11/2021	10/11/2021	18/11/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 1,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
18	IDC	HNX	9/11/2021	10/11/2021	25/11/2021	Trả cổ tức năm 2021 bằng tiền, 2,400 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
19	PRT	UPCoM	9/11/2021	10/11/2021	18/11/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 300 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
20	TDT	HNX	9/11/2021	10/11/2021		Trả cổ tức năm 2020 bằng cổ phiếu, tỷ lệ 100:15	Trả cổ tức bằng cổ phiếu
21	TDT	HNX	9/11/2021	10/11/2021		Thực hiện quyền mua cổ phiếu phát hành thêm, tỷ lệ 3:1, giá 10,000 đồng/CP	Phát hành thêm
22	HTC	HNX	8/11/2021	9/11/2021	26/11/2021	Trả cổ tức đợt 2/2021 bằng tiền, 300 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
23	BVH	HOSE	8/11/2021	9/11/2021	30/11/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 898.5 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
24	TRC	HOSE	8/11/2021	9/11/2021	26/11/2021	Trả cổ tức đợt 2/2020 bằng tiền, 900 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
25	VSC	HOSE	8/11/2021	9/11/2021		Thực hiện quyền mua cổ phiếu phát hành thêm, tỷ lệ 1:1, giá 10,000 đồng/CP	Phát hành thêm
26	SD5	HNX	5/11/2021	8/11/2021	22/11/2021	Trả cổ tức đợt 1/2020 bằng tiền, 500 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
27	SD5	HNX	5/11/2021	8/11/2021	31/03/2022	Trả cổ tức đợt 2/2020 bằng tiền, 500 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
28	ABI	UPCoM	5/11/2021	8/11/2021		Trả cổ tức năm 2020 bằng cổ phiếu, tỷ lệ 100:14	Trả cổ tức bằng cổ phiếu



BP Phân tích

Head: Nguyễn Hồng Khanh
khanhnh@vise.com.vn

Khuyến cáo

Báo cáo này được viết và phát hành bởi VIS để phân phối tại Việt Nam và quốc tế. Các ý kiến và dự báo chỉ thể hiện quan điểm của người viết tại thời điểm phát hành và có thể thay đổi mà không cần thông báo. Chúng tôi chỉ sử dụng những thông tin và quan điểm được cho là đáng tin cậy nhất, tuy nhiên chúng tôi không bảo đảm tuyệt đối tính chính xác và đầy đủ của những thông tin trên. Những quan điểm cá nhân trong báo cáo này đã được cân nhắc cẩn thận dựa trên những nguồn thông tin chúng tôi cho là tốt nhất và hợp lý nhất trong thời điểm viết báo cáo. Tuy nhiên những quan điểm trên có thể thay đổi bất cứ lúc nào, do đó chúng tôi không chịu trách nhiệm phải thông báo cho nhà đầu tư.

Công ty VIS cũng như các công ty con và toàn thể cán bộ công nhân viên hoàn toàn có thể tham gia đầu tư hoặc thực hiện các nghiệp vụ ngân hàng đầu tư đối với cổ phiếu được đề cập trong báo cáo này. Các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo không mang tính chất mời chào mua hay bán bất cứ chứng khoán, quyền chọn, hợp đồng tương lai hay công cụ phái sinh nào. Nhà đầu tư cần nhắc kỹ lưỡng việc sử dụng thông tin cũng nhưng các dự báo tài chính trong tài liệu trên, và VIS không chịu trách nhiệm với bất kỳ khoản lỗ trực tiếp hoặc gián tiếp nào do sử dụng những thông tin đó.

Tài liệu này chỉ nhằm mục đích lưu hành trong phạm vi hẹp vì vậy không được phép sao chép, tái sản xuất, phát hành cũng như tái phân phối bất kỳ nội dung nào của báo cáo vì bất kỳ mục đích nào nếu không có văn bản chấp thuận của VIS.

VISecurities
CHỨNG KHOÁN QUỐC TẾ VIỆT NAM

Tầm nhìn mới, Giá trị mới

Công ty Cổ phần Chứng khoán Quốc tế Việt Nam (Hội Sở)

Tầng 3, 59 Quang Trung, Quận Hai Bà Trưng - Hà Nội

Tel: 024 710 888 48, Fax: 024 3944 5889

<https://www.vise.com.vn>

Chi nhánh TP Hồ Chí Minh

Tầng 2, tòa nhà Savimex, Số 194 Nguyễn Công Trứ, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

Tel: 028.7108 8848

Fax: 028 3915 2931